

Số: 748 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 29 tháng 7 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án  
“Đầu tư khai thác mỏ (đất san lấp mặt bằng) tại khu vực Hang Chiềng,  
thôn Dốc Linh, xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang”**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 16/8/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc Quy định một số nội dung thực hiện đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 364/TTr-TNMT ngày 24/7/2024.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Đầu tư khai thác mỏ (đất san lấp mặt bằng) tại khu vực Hang Chiềng, thôn Dốc Linh, xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang” (sau đây gọi là dự án) của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng 68 Trường Sinh<sup>1</sup> (sau đây gọi là chủ dự án) thực hiện tại khu vực Hang Chiềng, thôn Dốc Linh, xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

<sup>1</sup> Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 2400935058, do phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp đăng ký lần đầu ngày 17/3/2022.

## **Điều 2.** Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

1. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định<sup>2</sup>: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Đầu tư khai thác mỏ (đất san lấp mặt bằng) tại khu vực Hang Chiềng, thôn Dốc Linh, xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang” và kết quả thẩm định hồ sơ, trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án tại Điều 1 Quyết định này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

## **Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Sở Tài chính, Sở Xây dựng; UBND huyện Lục Nam; UBND xã Nghĩa Phương; Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng 68 Trường Sinh và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng 68 Trường Sinh (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh;
- + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
- + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, MT.<sup>Toàn</sup>

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Ô Pích**

<sup>2</sup> thành lập theo Quyết định số 1176/QĐ-TNMT ngày 17/11/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**Dự án “Đầu tư khai thác mỏ (đất san lấp mặt bằng) tại khu vực Hang Chiềng,**  
**thôn Dốc Linh, xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang”**  
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2024*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

**1. Thông tin về dự án**

**1.1. Thông tin chung**

- Tên dự án: “Đầu tư khai thác mỏ (đất san lấp mặt bằng) tại khu vực Hang Chiềng, thôn Dốc Linh, xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang”.

- Địa điểm thực hiện: khu vực Hang Chiềng, thôn Dốc Linh, xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Chủ dự án: Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng 68 Trường Sinh.

**1.2. Phạm vi, quy mô, công suất**

\* Phạm vi: Khu vực dự án thuộc địa phận khu vực Hang Chiềng, thôn Dốc Linh, xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

\* Quy mô, công suất của dự án:

- Quy mô: Dự án có diện tích khai thác là 10 ha.

- Phạm vi, địa điểm cung cấp khoáng sản:

+ Đối với khoáng sản chính (đất san lấp): cung cấp cho các dự án: Đường tỉnh 293 kéo dài từ Khám Lạng - Nghĩa Phương; Tuyến vào khu du lịch suối Mỡ; Nâng cấp tuyến trục xã Cương Sơn, huyện Lục Nam (theo Quyết định số 367/QĐ-UBND ngày 15/4/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt bổ sung khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang) và các dự án, công trình sử dụng ngân sách nhà nước (phát triển hạ tầng giao thông; công trình thủy lợi, thủy điện); công trình khắc phục thiên tai, địch họa; các công trình hạ tầng giao thông, công trình phúc lợi thuộc chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, phù hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.

+ Đối với khoáng sản đi kèm (đất làm gạch): cung cấp cho các Nhà máy gạch tuynel đã chấp thuận đầu tư, đang hoạt động sản xuất trên địa bàn huyện Lục Nam.

- Trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác: 4.685.803 m<sup>3</sup> đất san lấp, đất làm gạch (ở trạng thái chặt), trong đó: đất san lấp là 3.984.259 m<sup>3</sup>; đất làm gạch là 701.544 m<sup>3</sup>.

- Công suất khai thác: 780.967 m<sup>3</sup>/năm đất san lấp, đất làm gạch (ở trạng thái chặt), trong đó: đất san lấp là 664.043 m<sup>3</sup>/năm; đất làm gạch là 116.924 m<sup>3</sup>/năm.

(theo Quyết định số 917/QĐ-TNMT ngày 18/9/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường (được UBND tỉnh ủy quyền) về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản (đất san lấp mặt bằng) tại khu vực Hang Chiềng, thôn Dốc Linh, xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam” thì hệ số nở rori của đất san lấp là 1,28; đất làm gạch là 1,25).

- Mức sâu kết thúc khai thác: cốt +28m.
- Tuổi thọ mỏ: 6,5 năm (đã bao gồm thời gian xây dựng cơ bản mỏ là 0,5 năm).

### **1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư**

- Các hạng mục công trình của dự án đầu tư gồm: Nhà văn phòng; bãi rửa, tập kết xe; tuyến đường vận chuyển ngoài mỏ; tuyến hào mở vỉa; mốc lộ giới, camera giám sát; trạm cân; kho chất thải nguy hại; thùng chứa chất thải; nhà vệ sinh; xe bồn; hố lắng, rãnh thoát nước, ...

- Hoạt động của dự án đầu tư: Đền bù, giải phóng mặt bằng, phát quang bề mặt; xây dựng tuyến hào mở vỉa, cải tạo tuyến đường hiện trạng; xây dựng các công trình phụ trợ, công trình bảo vệ môi trường; tạo diện khai thác ban đầu; xây dựng hố lắng, rãnh thoát nước; hoạt động khai thác, vận chuyển đất,...

### **1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường**

Dự án không có các yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (viết tắt là Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

## **2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường**

### **2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng**

- Việc chiếm dụng đất: Diện tích khu vực khai thác 10 ha, toàn bộ diện tích đất này chủ yếu là đất rừng sản xuất, Nhà nước đã giao cho 13 hộ gia đình, cá nhân quản lý, sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích đất lâm nghiệp.

- Hoạt động giải phóng mặt bằng: Tác động do hoạt động chuẩn bị mặt bằng (như: phát quang thảm thực vật, vận chuyển cây cối phát quang).

- Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc và hoạt động sinh hoạt của công nhân xây dựng:

+ Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, cây cối phát quang; từ hoạt động của máy móc thi công xúc bốc, làm đường giao thông và san gạt đất tạo mặt bằng khai thác đầu tiên, xây dựng các công trình, hố lắng, rãnh thoát nước.

+ Bụi phát sinh từ hoạt động xúc bốc, đào đắp đất.

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công; nước thải từ hoạt động thi công xây dựng và nước mưa chảy tràn trên bề mặt dự án.

+ Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân; chất thải rắn từ hoạt động phát quang thảm thực vật, từ hoạt động san gạt, đào đắp công trình; chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng.

+ Sự cố sụt lún, sạt lở, ngập úng cục bộ, tai nạn giao thông, tai nạn lao động, cháy nổ, thiên tai, ...

## **2.2. Giai đoạn vận hành dự án**

Hoạt động khai thác, vận chuyển đất và hoạt động sinh hoạt của công nhân tác động tới môi trường:

+ Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển đất san lấp.

+ Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các máy móc, thiết bị khai thác; từ quá trình đào xúc, bốc đất.

+ Bụi phát sinh do hoạt động của các phương tiện vận chuyển trên đường; từ quá trình xúc bốc trên khu vực khai thác.

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân; nước mưa chảy tràn trên khai trường; nước thải từ quá trình rửa xe.

+ Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân; đất đá rơi vãi trong quá trình xúc bốc, vận chuyển đất; chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình bảo dưỡng, sửa chữa những hỏng hóc nhỏ trên khai trường.

+ Sự cố sạt lở tầng khai thác, sự cố thiên tai, sự cố sụt lún, xuống cấp tuyến đường vào mỏ, đường vận chuyển; sự cố hư hỏng công trình bảo vệ môi trường.

## **3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư**

### **3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng**

#### **3.1.1. Nước thải, khí thải**

\* Nước thải:

- Trong giai đoạn thi công xây dựng cơ bản, mỏ mỏ có khoảng 15 công nhân lao động thường xuyên. Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng phát sinh khoảng 1,5 m<sup>3</sup>/ngày, với thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD<sub>5</sub>, TSS, Amoni, tổng Coliforms...

- Nước thải phát sinh từ quá trình bảo dưỡng, vệ sinh máy móc, thiết bị khoảng 5 m<sup>3</sup>/ngày, với thông số ô nhiễm đặc trưng là chất rắn lơ lửng, BOD<sub>5</sub>, COD, tổng dầu mỡ khoáng,...

- Nước mưa chảy tràn qua khu vực thi công cuốn theo đất đá, rác, dầu mỡ... xuống hệ thống thoát nước của khu vực, với thông số ô nhiễm đặc trưng là COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS)...

\* Bụi, khí thải:

+ Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng và cây cối phát quang, từ quá trình phát quang thảm thực vật, với thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, bụi,...

+ Bụi, khí thải từ quá trình thi công xúc bốc, làm đường giao thông, san gạt tạo mặt bằng khai thác đầu tiên, xây dựng các công trình, hố lửng, rãnh thoát nước, với thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, bụi,...

### 3.1.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải rắn nguy hại

#### \* Chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân xây dựng khoảng 7,5 kg/ngày.

- Chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động phát quang thảm thực vật khoảng 120 tấn, với thành phần chủ yếu là cành, rễ, lá cây,...

- Chất thải rắn xây dựng (như: cát, đá, tôn, sắt thép xây dựng...) phát sinh khoảng 321 kg trong quá trình thi công xây dựng. Đất đá từ quá trình san gạt, đào đắp xây dựng khoảng 5.323 m<sup>3</sup>.

#### \* Chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại (như: dầu mỡ, giẻ lau dính dầu...) phát sinh từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị khi bị hỏng đột xuất khoảng 1,5 - 2 kg trong cả giai đoạn thi công xây dựng.

### 3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ máy móc, thiết bị tham gia thi công; từ các phương tiện vận chuyển.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

### 3.1.4. Các tác động khác

- Tác động đến người dân do việc giải phóng mặt bằng, tác động đến hệ sinh thái, đa dạng sinh học khu vực, tác động bởi tiếng ồn, độ rung, tác động tới kinh tế- xã hội khu vực.

- Tác động do rủi ro, sự cố: Sự cố cháy nổ, sụt lún, sạt lở, sự cố rò rỉ chất thải lỏng nguy hại (dầu mỡ,..), sự cố do thiên tai, tai nạn giao thông, tai nạn lao động.

## 3.2. *Giai đoạn vận hành dự án*

### 3.2.1. Nước thải, khí thải

#### \* Nước thải:

- Khi dự án đi vào hoạt động số cán bộ, công nhân làm việc tại mỏ khoảng 15 người. Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân khoảng 1,5 m<sup>3</sup>/ngày, với thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD<sub>5</sub>, TSS, Amoni, tổng Coliforms...

- Nước thải rửa xe phát sinh khoảng 15 m<sup>3</sup>/ngày, với thông số ô nhiễm đặc trưng là chất rắn lơ lửng, tổng dầu mỡ khoáng,...

- Nước mưa chảy tràn trên khai trường cuốn theo đất, đá xuống các thùy vực hoặc các vùng đất trũng gây bồi lấp các rãnh thoát nước, cản trở dòng chảy của khu vực, với thông số ô nhiễm đặc trưng là COD, tổng chất rắn lơ lửng, ...

#### \* Bụi, khí thải:

- Bụi, khí thải từ hoạt động của phương tiện vận chuyển đất san lấp, từ hoạt động của máy móc, thiết bị khai thác trên công trường, với thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, bụi,...

- Bụi từ mặt đường cuốn theo xe vận chuyển đất san lấp; từ quá trình xúc bốc trên khu vực khai thác, với thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi lơ lửng.

### 3.2.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

\* Chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân khoảng 7,5 kg/ngày.

- Đất, đá rơi vãi trong quá trình xúc bốc, vận chuyển khoảng 2,6 m<sup>3</sup>/ngày.

- Bùn đất nạo vét từ hệ thống rãnh thoát nước, hố lắng khoảng 03 m<sup>3</sup>/lần nạo vét.

\* Chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại (như: bóng đèn huỳnh quang hỏng, gãy tay, giẻ lau dính dầu mỡ, dầu mỡ bôi trơn, vỏ thùng đựng dầu...) phát sinh khoảng 310 kg/năm.

### 3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các phương tiện giao thông vận chuyển, từ máy móc, thiết bị khai thác (như: máy xúc, máy ủi,...).

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

### 3.2.4. Các tác động khác

- Tác động tới kinh tế - xã hội; tác động đến cảnh quan, hệ sinh thái; tác động đến giao thông khu vực (tuyến đường ĐT 293, đường liên thôn, xã,..), tác động đến an toàn lao động và sức khỏe cộng đồng.

- Tác động do sự cố sạt lở; sự cố do thiên tai; sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông; sự cố do sụt lún, xuống cấp tuyến đường vào mỏ, đường vận chuyển, sự cố hư hỏng công trình bảo vệ môi trường.

## 4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

### 4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

#### 4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

##### 4.1.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

\* Nước thải sinh hoạt:

- Bố trí 01 nhà vệ sinh có bể tự hoại 3 ngăn, thể tích 3 m<sup>3</sup>, đặt tại khu vực nhà văn phòng của dự án. Nước thải sau xử lý qua 01 bể tự hoại tại dự án được chảy ra rãnh thoát nước chung của khu vực qua 01 điểm xả ra, sau đó chảy vào mương thoát nước nội đồng khu vực.

- Chủ dự án thuê đơn vị có chức năng đến hút bùn thải từ bể tự hoại đem đi xử lý theo quy định, với tần suất 01 năm/lần.

\* Nước mưa chảy tràn:

- Xây dựng các hố lắng có kích thước dài x rộng x sâu (1,5 m x 1,5m x 1m). Rãnh thu nước có chiều dài 80m, chiều rộng rãnh (mặt trên 1m, mặt dưới 0,5m), chiều cao rãnh 1m; dọc tuyến thoát nước mưa cứ 30 m bố trí 01 hố lắng.

- Xây dựng 01 hố lắng tập trung nước mưa (bằng đất) có kích thước dài x rộng x sâu (20m x 10m x 2m). Toàn bộ nước mưa được lura trữ tại hố lắng sẽ sử dụng để tưới nước dập bụi trong quá trình thi công xây dựng.

- Thường xuyên kiểm tra, nạo vét hố lắng, khơi thông rãnh thu nước, không để phế thải xây dựng xâm nhập, gây tắc nghẽn, ứ đọng.

\* Nước thải thi công:

Bố trí 02 thùng phuy, dung tích 500 lít/phuy để chứa đựng nước rửa dụng cụ và tận dụng lượng nước này cho việc tưới dập bụi trong khu vực thi công, không xả thải ra môi trường.

4.1.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Bố trí các phương tiện giao thông ra vào khu vực dự án một cách hợp lý, không để ùn tắc giao thông, lưu lượng quá đông.

- Thực hiện tưới nước trên khu vực thi công và trên tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu thi công để giảm thiểu bụi, với tần suất 2-4 lần/ngày vào những ngày khô hanh, nắng nóng (không thực hiện tưới nước vào ngày mưa). Tiêu chuẩn tưới nước 0,5 lít/m<sup>2</sup>.

- Lập kế hoạch tu sửa, cải tạo các tuyến đường vận chuyển, đóng góp kinh phí với chính quyền địa phương để sửa chữa nếu tuyến đường vận chuyển xảy ra hư hỏng xuống cấp.

- Không sử dụng các phương tiện chuyên chở đất quá cũ, không chở nguyên vật liệu quá đầy, quá tải và có bạt che phủ trong quá trình vận chuyển.

- Có nội quy cho xe chở vật liệu xây dựng khi đi vào khu vực để hạn chế tối đa lượng bụi phát tán vào môi trường.

- Thường xuyên bảo dưỡng các máy móc, thiết bị, luôn để các phương tiện này hoạt động ở trạng thái tốt, hạn chế phát sinh khí thải ảnh hưởng đến môi trường.

4.1.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

4.1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải sinh hoạt:

- + Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, phân loại tại nguồn. Bố trí 02 thùng chứa rác có dung tích 120 lít/thùng, đặt tại khu vực kho tạm. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị thu gom rác thải tại địa phương để xử lý theo quy định, với tần suất 03 ngày/lần.

- + Tuyển dụng công nhân tại địa phương có điều kiện ăn nghỉ tại nhà nhằm giảm bớt lượng rác thải sinh hoạt phát sinh.

- Chất thải rắn thi công, xây dựng:

- + Chất thải phát sinh từ quá trình phát quang thực vật: Toàn bộ cây lâm nghiệp cho người dân tận thu. Phần thực bì còn lại được thu gom mang đi xử lý tạo mặt bằng cho quá trình khai thác.



+ Chất thải rắn xây dựng được phân loại và xử lý như sau:

++ Các loại chất thải tái chế được (như: tôn, sắt, thép, bao bì, ...) được thu gom và bán cho các đơn vị thu mua phế liệu.

++ Các loại chất thải xây dựng (như: vữa, cát, sỏi dư thừa...) được tận dụng làm vật liệu san lấp mặt bằng đường giao thông vào mỏ trong phạm vi khu vực dự án.

4.1.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Bố trí 04 thùng phuy có nắp đậy, dung tích 120 lít/thùng để thu gom, lưu trữ chất thải nguy hại. Mỗi thùng phuy có dán nhãn tên, mã chất thải nguy hại theo quy định.

- Bố trí kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 6 m<sup>2</sup>, nền xi măng, mái lợp tôn, có cửa, có biển cảnh báo để sử dụng trong quá trình thi công xây dựng cũng như quá trình mở hoạt động khai thác.

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định cùng chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn dự án đi vào hoạt động khai thác.

4.1.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

- Tổ chức thi công hợp lý (có tiến độ thi công đối với từng hạng mục công trình, thực hiện việc giám sát thi công chặt chẽ).

- Bố trí thời gian hoạt động của các thiết bị, tránh hiện tượng cộng hưởng lớn từ nhiều nguồn phát sinh tiếng ồn và rung.

- Trang bị các dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân tiếp xúc trực tiếp với nguồn phát sinh tiếng ồn.

- Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng các thiết bị, máy móc và thực hiện chế độ bổ sung dầu mỡ theo định kỳ.

- Không thi công vào ban đêm, giờ nghỉ ngơi của người dân để tránh ảnh hưởng đến sinh hoạt của công nhân và nhân dân cạnh khu vực dự án. Thời gian hoạt động: buổi sáng, từ 6 giờ đến 11 giờ 30'; buổi chiều, từ 13 giờ 30' đến 18 giờ.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.1.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Thi công xây dựng công trình chuẩn bị khai thác đúng theo thiết kế. Trong quá trình thi công thường xuyên kiểm tra, đánh giá nguy cơ sụt lún, sạt lở đất, đá để có phương án xử lý kịp thời.

- Trường hợp xảy ra hiện tượng sạt lở đất, đá phải huy động máy móc, thiết bị tiến hành gia cố, vữa mái bờ để ổn định địa hình.

- Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông rãnh thoát nước không để xảy ra ứ đọng, tắc nghẽn rãnh thoát nước khu vực dự án và khu vực xung quanh.

- Trong những ngày mưa bão phải tạm dừng hoạt động khai thác, đồng thời yêu cầu tất cả cán bộ, công nhân rời khỏi khu vực dự án và chỉ hoạt động trở lại sau khi mưa bão đi qua mới.

- Trường hợp để xảy ra hiện tượng sạt lở, sụt lún mà xác định nguyên nhân từ hoạt động của dự án, chủ dự án phải hoàn toàn chịu trách nhiệm và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

- Công nhân được cung cấp đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động (như: mũ bảo hộ, găng tay, khẩu trang,...) và yêu cầu bắt buộc sử dụng trang thiết bị bảo hộ trong khu vực công trường.

- Bố trí biển cảnh báo khu vực công trường tại điểm đầu nối từ tuyến đường đất vào mỏ.

## **4.2. Giai đoạn vận hành dự án**

### 4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

#### 4.2.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt:

Tiếp tục sử dụng 01 nhà vệ sinh có bể tự hoại 3 ngăn thể tích 3 m<sup>3</sup> (đã xây lắp từ giai đoạn xây dựng cơ bản mỏ; nhà vệ sinh được đặt tại khu vực nhà văn phòng của dự án). Nước thải sau xử lý qua bể tự hoại được chảy ra rãnh thoát nước chung của khu vực qua 01 điểm xả, sau đó chảy vào mương thoát nước nội đồng khu vực.

Chủ dự án thuê đơn vị có chức năng đến hút bùn thải từ nhà vệ sinh đem đi xử lý theo quy định, với tần suất 06 tháng/lần hoặc khi bể chứa chất thải đầy.

- Nước mưa chảy tràn:

Tiếp tục sử dụng các hố lắng, rãnh thoát nước và hố lắng tập trung (bằng đất) đã xây dựng từ giai đoạn xây dựng cơ bản mỏ để thu gom, lưu trữ nước mưa chảy tràn trên khu vực khai trường. Toàn bộ nước mưa được lưu trữ tại hố lắng, sau đó sử dụng để tưới nước dập bụi trong quá trình khai thác mỏ.

Thường xuyên kiểm tra, nạo vét hố lắng, khơi thông rãnh thoát nước, không để phế thải xây dựng xâm nhập, gây tắc nghẽn, ứ đọng.

- Nước thải từ quá trình rửa xe: Được dẫn theo hệ thống rãnh thoát nước xây bằng gạch, trát vữa xi măng có kích thước rộng x sâu (0,5 x 0,5m), dài 10m. Chủ dự án xây dựng bể lắng dung tích 16 m<sup>3</sup>, chia thành 2 ngăn 8m<sup>3</sup>/ngăn. Nước thải được thu về bể lắng để lắng cặn đất cát, nước được sử dụng cho hoạt động phun rửa đường, không thải ra môi trường. Phần bùn cặn từ các hố lắng và rãnh thoát nước được nạo vét định kỳ, với tần suất 01 tuần/lần, tận dụng làm đất đắp trồng cây hoặc sử dụng vào san lấp.

#### 4.2.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Trang bị xe tưới nước có dung tích bồn chứa khoảng 5m<sup>3</sup>. Tiêu chuẩn nước tưới đường 0,5 lít/m<sup>2</sup>. Công tác tưới nước thực hiện trong ngày trên khu vực khai thác nhằm giảm thiểu bụi phát tán trong không khí, thời gian tưới và

mật độ tưới nước tùy thuộc vào điều kiện thời tiết (không tưới nước vào ngày mưa), số lần tưới nước trung bình khoảng 2-4 lần, tăng lên 4-6 lần vào ngày khô, nắng nóng.

- Bố trí bãi rửa xe, thực hiện xịt rửa xe trước khi ra khỏi mỏ, nhằm hạn chế xe kéo theo bùn đất ra đường vận chuyển.

- Các phương tiện vận chuyển có các tấm bạt che phủ kín nhằm hạn chế đất, đá rơi vãi và bụi khuếch tán vào môi trường không khí.

- Tất cả các phương tiện vận tải tham gia vận chuyển phải được kiểm tra định kỳ đạt tiêu chuẩn của cơ quan đăng kiểm theo quy định.

- Thu dọn đất, đá rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển nhằm giảm thiểu bụi, tạo cảnh quan giao thông trên tuyến đường vận chuyển.

- Cải tạo, bảo dưỡng những đoạn đường vận chuyển, không đổ đất bừa bãi. Bố trí kinh phí và phối hợp cùng với địa phương để cải tạo, sửa chữa lại những đoạn đường xuống cấp.

- Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cần thiết cho công nhân trong khi làm việc (như: khẩu trang, mũ, ủng, quần áo bảo hộ lao động).

- Sử dụng xe có tải trọng từ 15 tấn trở xuống phù hợp với tải trọng của tuyến đường để vận chuyển đất đi san lấp. Cải tạo, sửa chữa những đoạn đường chưa đảm bảo yêu cầu cho xe vận tải nặng thường xuyên đi qua. Trường hợp xảy ra hư hỏng tuyến đường do xe vận chuyển đất của dự án gây nên, chủ dự án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan chức năng, chính quyền địa phương để kịp thời khắc phục, sửa chữa.

4.2.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

4.2.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

\* Chất thải rắn thông thường từ quá trình khai thác

- Bố trí công nhân, máy gạt thường xuyên thu gom đất, đá rơi vãi từ quá trình xúc bốc, vận chuyển trên đường để tiếp tục được sử dụng làm vật liệu san lấp mặt bằng.

- Không đổ đất, đá quá đầy vượt quá chiều cao của thành xe, tránh làm đất, đá rơi xuống đường vận chuyển.

- Các xe vận chuyển đất sử dụng bạt che phủ kín thùng xe, chằng buộc bạt chặt chẽ; chở đúng trọng tải quy định.

\* Chất thải rắn sinh hoạt:

- Bố trí 02 thùng rác có nắp đậy, dung tích 120 lít/thùng để thu gom chất thải sinh hoạt.

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định, với tần suất 03 ngày/lần.

4.2.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Bố trí 04 thùng phuy có dung tích 120 lít để thu gom, lưu trữ chất thải nguy hại, mỗi thùng có dán nhãn tên, mã chất thải nguy hại. Các thùng chứa chất thải nguy hại được lưu chứa tại kho chứa có diện tích  $6m^2$ , nền xi măng, mái lợp tôn, có cửa, có biển cảnh báo, kho chứa này đã được lắp dựng ở giai đoạn xây dựng cơ bản mở.

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, với tần suất 01 lần/năm.

4.2.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Không sử dụng các thiết bị cũ, lạc hậu có khả năng gây ồn cao.

- Máy móc, thiết bị phục vụ khai thác, vận chuyển đất, đá phải được kiểm định đạt tiêu chuẩn theo quy định.

- Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng các thiết bị, máy móc đảm bảo hoạt động hiệu quả.

- Trang bị phương tiện bảo hộ lao động chống ồn cho công nhân làm việc ở những khu vực có tiếng ồn cao.

- Khi vận chuyển qua khu dân cư đặc biệt lưu ý các xe ô tô không được rú ga, còi xe bừa bãi gây tiếng ồn, mà phải tuân thủ đúng luật giao thông đường bộ hiện hành.

- Không khai thác, vận chuyển vào giờ nghỉ trưa (từ 11 giờ 30 phút đến 13 giờ 30 phút) và vào ban đêm (từ 19 giờ đến 6 giờ sáng ngày hôm sau) để không gây ảnh hưởng đến những hộ dân sống xung quanh khu vực dự án cũng như những hộ dân sinh sống dọc tuyến đường vận chuyển đất.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.2.4. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

a) Phương án được lựa chọn thực hiện

**\* Đối với khu vực kết thúc khai thác và các taluy bảo vệ**

- Khu vực kết thúc khai thác: Mặt bằng sau khi kết thúc khai thác (đến cốt +28 m) có tổng diện tích  $72.616 m^2$  đã tương đối bằng phẳng, chỉ còn một số vị trí chưa đáp ứng theo thiết kế cần san gạt lại (chiều cao bình quân 0,2m), dự kiến diện tích san gạt 20% tổng diện tích nêu trên, khi đó khối lượng đất san gạt là  $2.904 m^3 (=72.616 m^2 \times 0,2 m \times 20\%)$ . Quá trình trồng cây được thực hiện đồng thời với quá trình san gạt, san gạt đến đâu trồng cây đến đó. Diện tích trồng cây  $72.616 m^2$ , tổng số hố trồng cây là  $12.052 = 7,26 ha \times 1.660 \text{ cây/ha}$  (mật độ cây 1.660 cây/ha); tổng khối lượng đất màu là  $431,2 m^3$ .

- Khu vực mái taluy bảo vệ: được tạo ngay trong quá trình khai thác với góc nghiêng sườn tầng kết thúc  $68^\circ$ , khai thác đến đâu tạo góc nghiêng sườn tầng kết thúc đến đó, sau đó dùng máy xúc gia cố góc dốc sườn tầng đảm bảo

theo thiết kế (ở giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường không phải tiến hành gia cố lại các khu vực này).

Sau khi kết thúc khai thác sẽ tiến hành đào hố, bổ sung đất màu trồng cây cho toàn bộ mặt taluy bảo vệ. Mặt tầng taluy bảo vệ có tổng diện tích 15.787 m<sup>2</sup>; tổng số hố trồng cây là 2.623 hố = 1,58 ha x 1.660 cây/ha (mật độ cây 1.660 cây/ha); tổng khối lượng đất màu là 93,9 m<sup>3</sup>.

**\* Khai thông hệ thống thoát nước nhằm đảo bảo quá trình tiêu thoát nước, tránh hiện tượng bồi lấp**

Quá trình khai thác đến năm kết thúc rãnh thoát nước đã được san gạt bằng cốt cao địa hình, vì vậy giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường không tiến hành san gạt.

**\* Tháo dỡ các công trình**

- Kho chứa chất thải nguy hại (diện tích 6 m<sup>2</sup>): 01 chiếc.
- Camera giám sát: 01 chiếc.
- Trạm cân: 01 trạm.
- Móc giới (08 chiếc), kích thước 0,2 m x 0,3m x 0,8m. Khối lượng móc giới cần tháo dỡ là 0,4 m<sup>3</sup>.

**\* Cải tạo lại tuyến đường vào khu mỏ**

- Tuyến đường đất vào khu mỏ có chiều dài là 474 m, rộng 6m. Trong quá trình khai thác, chủ dự án thường xuyên sửa chữa, cải tạo tuyến đường để thuận tiện cho việc vận chuyển. Do vậy, sau khi kết thúc khai thác, chủ dự án sẽ tiến hành san gạt lại khoảng 50% chiều dài tuyến đường vào mỏ với chiều cao san gạt trung bình 0,3m. Khối lượng san gạt là 426,6 m<sup>3</sup> (=474m x 0,3 x 6m x 50%).

- Tuyến đường nội bộ mỏ nằm trong diện tích mỏ, được san gạt, cải tạo phục hồi cùng với quá trình cải tạo, phục hồi khu vực kết thúc khai thác.

**\* Lắp đặt biển cảnh báo**

Lắp đặt biển cảnh báo tại một số vị trí người dân thường xuyên đi lại qua, dễ quan sát, nguy cơ cao sạt lở, có độ chênh lệch cao, có nguy cơ mất an toàn, cụ thể: Cột biển báo bằng ống kẽm  $\phi 60$ , kích thước biển báo 0,6m x 0,6m, chất liệu bằng tôn thép không rỉ, số lượng 08 biển tại các vị trí điểm mốc của dự án.

b) Danh mục, khối lượng các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng	Biện pháp thi công	Ghi chú
<b>I. Các công trình tháo dỡ</b>					
1	Kho chất thải nguy hại	m <sup>2</sup>	06	Thủ công	Tháo dỡ, thu hồi
2	Camera giám sát	Chiếc	01	Thủ công	
3	Trạm cân	Trạm	01	Thủ công + máy	

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng	Biện pháp thi công	Ghi chú
4	Nhà vệ sinh	Chiếc	01	Thủ công	
5	Mộc giới mỏ (08 chiếc)	m <sup>3</sup>	0,4	Thủ công	
6	Nhà văn phòng	Chiếc	01	Thủ công	
<b>II. San gạt đường giao thông</b>					
1	San gạt tuyến đường đất	m <sup>3</sup>	426,6	Thủ công + máy	-
<b>III. San gạt mặt bằng kết thúc khai thác</b>					
1	Kết thúc ở mức cốt +28m	m <sup>3</sup>	2.904	Máy	-
<b>IV. Lắp đặt biển báo</b>					
1	Lắp đặt biển cảnh báo	Chiếc	08	Thủ công	-
<b>IV. Trồng cây khu vực kết thúc khai thác</b>					
1	Diện tích trồng cây trên mặt bằng kết thúc khai thác cốt +28m (7,26ha) và diện tích trồng cây trên bề mặt taluy (1,58ha)	Hố	14.675	Thủ công + máy	-
2	Bổ sung đất màu	m <sup>3</sup>	525,1	Thủ công	

c) Kế hoạch thực hiện:

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các công việc cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác như sau:

+ Tháo dỡ kho chứa chất thải nguy hại; tháo dỡ camera giám sát; tháo dỡ trạm cân; tháo dỡ điểm mộc giới mỏ (08 mốc); san gạt khu vực kết thúc khai thác; cải tạo tuyến đường đất, lắp đặt biển báo; nạo vét rãnh thoát nước, hố lắng; Hoàn thành trong thời gian 06 tháng, kể từ ngày Giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực.

+ Trồng và chăm sóc cây trên mặt bằng kết thúc khai thác: Thực hiện trong thời gian 03 năm, kể từ ngày Giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực.

d) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường:

- Tổng số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường: **1.331.170.000 đồng**.

- Phương thức ký quỹ:

Thời gian khai thác của dự án là 6,5 năm (*bao gồm cả thời gian xây dựng cơ bản mở 0,5 năm, không tính thời gian cải tạo, phục hồi môi trường*), do đó chủ dự án thực hiện ký quỹ nhiều lần (06 lần), trong đó:

+ Số tiền ký quỹ lần đầu bằng 25% tổng số tiền ký quỹ:  $1.331.170.000 \times 25\% = 332.792.500$  đồng.

+ Số tiền ký quỹ từ lần thứ 02 trở đi:  $(1.331.170.000 - 332.792.500)/(6-1) = 199.675.500$  đồng.

- Thời điểm kỹ quỹ (lần đầu, lần thứ 02 trở đi): Thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Đơn vị nhận tiền kỹ quỹ: Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bắc Giang.

#### **4.2.4. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường**

- Công nghệ khai thác đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác. Khai thác theo lớp băng vận tải trực tiếp từ trên xuống dưới. Quá trình khai thác sẽ tạo ra các tầng và mặt tầng bảo vệ theo quy định nhằm chống sạt lở đất, đá xung quanh, đảm bảo an toàn trong khai thác.

- Đối với khu vực khai thác: Tiến hành khai thác theo trình tự từ trên xuống dưới và tạo các tầng, mặt tầng đảm bảo theo thiết kế, hạn chế tối đa khả năng sạt lở đất, đá khu vực xung quanh.

- Trong quá trình khai thác phải định kỳ kiểm tra công tác phòng cháy, chữa cháy. Tuyệt đối tuân thủ quy định về phòng cháy, chữa cháy.

- Vào những ngày mưa bão kéo dài, phải tạm dừng hoạt động khai thác và vận chuyển để hạn chế sự cố sạt lở đất, đá, cũng như ảnh hưởng đến môi trường, đường giao thông.

- Kịp thời sửa chữa, cải tạo những đoạn đường vận chuyển bị hư hỏng do xe vận tải của dự án chạy qua.

### **5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án đầu tư**

#### **5.1. Giai đoạn thi công, xây dựng**

##### *5.1.1. Không khí làm việc:*

- Vị trí giám sát: 02 vị trí trong khu vực xây dựng mỏ.

- Thông số giám sát: Tiếng ồn, bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO.

- Tần suất giám sát: 01 lần trong quá trình xây dựng.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 03:2019/BYT; QCVN 02:2019/BYT; QCVN 24:2016/BYT; QCVN 26:2016/BYT.

##### *5.1.2. Nước thải sinh hoạt:*

Lưu lượng nước thải phát sinh của dự án ước tính khoảng 1,5 m<sup>3</sup>/ngày. Khi đó, đối chiếu quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Phụ lục XXVIII ban hành kèm theo Nghị định này thì dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ đối với nước thải.

*5.1.3. Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:*

Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; định kỳ chuyển giao các loại chất thải này cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

## **5.2. Giai đoạn vận hành dự án**

### **5.2.1. Khí thải:**

Khí thải trong giai đoạn vận hành ở dạng phát tán, không tập trung và có quy mô nhỏ, khi đó đối chiếu quy định tại khoản 2 Điều 112 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP thì dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc bụi, khí thải định kỳ.

### **5.2.2. Nước thải sinh hoạt:**

Lưu lượng nước thải phát sinh của dự án ước tính khoảng 1,5 m<sup>3</sup>/ngày. Khi đó, đối chiếu quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Phụ lục XXVIII ban hành kèm theo Nghị định này thì dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ đối với nước thải.

### **5.2.3. Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:**

Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; định kỳ chuyển giao các loại chất thải này cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

Các tiêu chuẩn, quy chuẩn được sử dụng để so sánh đánh giá chất lượng môi trường trong chương trình giám sát nêu trên là những tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành phù hợp với thời điểm quan trắc, giám sát theo quy định.

## **6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác**

- Thực hiện trách nhiệm của chủ dự án đầu tư theo quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và các quy định khác về trách nhiệm của chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định trước khi đưa dự án vào hoạt động chính thức theo quy định.

- Thực hiện đúng các giải pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định, tổ chức thu gom, xử lý toàn bộ các loại chất thải thi công và chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường.

- Hoàn thành xây dựng, vận hành các công trình, thiết bị xử lý chất thải phát sinh đảm bảo xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành trước khi thải ra môi trường; thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải và tiếng ồn đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về ứng cứu sự cố và các quy định khác của pháp luật trong toàn bộ các hoạt động của dự án.

- Trong quá trình thực hiện, nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định, chủ dự án báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường để



kiểm tra, xem xét) và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 364/TTr-TNMT ngày 24/7/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án./.